

Bản án số: 50/2020/DS-PT
Ngày: 11-5-2020
V/v tranh chấp: “Bồi thường thiệt hại
về tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn
Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai
Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 và 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020; về việc tranh chấp “*Bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2019/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện TT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2020/QĐPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lại Như T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 08, ấp TĐ, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang; (có mặt)

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có Luật sư Phan Thanh C Văn phòng luật sư VVT thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Tổ 07, ấp TĐ, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang;

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Văn M, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 03, ấp TH, xã NT, huyện TT, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 4/8/2018 có công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng ĐKT). (có mặt)

Địa chỉ hiện nay: Tổ 32, khóm 1, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan:* Bà Trần Thị S (S), sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 08, ấp TĐ, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người kháng cáo: ông Lại Như T là nguyên đơn và bà Trần Thị S là người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn ông Lại Như T trình bày: Ông T có thuê đất của ông Trần Văn H ngụ ấp TĐ, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang với diện tích là 10.000m² đất nông nghiệp, tọa lạc tại ấp TH, xã TĐ, huyện TT. Diện tích đất giáp ranh đất ông B, trước đây trồng Sen, nhưng thời gian sau thì ông B chuyển sang trồng lúa. Do cây Sen còn sót lại đều canh tác trồng nên ông B trộn phân thuốc diệt cỏ (hiệu Tungrius 10WP), rồi bơm nước vào, do đó phân thuốc từ đất của ông B tràn qua diện tích đất trồng cây Sen (05 công) của ông T gây thiệt hại cây Sen chết. Sau khi phát hiện bị thiệt hại ông T đã gọi điện cho ông B, ông B đến và thừa nhận trách nhiệm, ông B còn yêu cầu giao cho ông 10 công đất để canh tác thì ông B sẽ giao lại số tiền 50.000.000 đồng, nhưng ông T không đồng ý. Tại Ban ấp TH, xã TĐ, ông T yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng nhưng ông B chỉ đồng ý hỗ trợ bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu Tòa án buộc ông B phải bồi thường thiệt hại việc đầu tư phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với số tiền 13.530.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn B (do ông Ngô Văn M – đại diện) trong quá trình tố tụng trình bày: Ông B có canh tác diện tích đất nông nghiệp là 28.000m² tọa lạc tại ấp TH, xã TĐ đất liền kề với diện tích của ông Trần Văn H, hiện ông H cho ông Lại Như T thuê đất. Diện tích đất của ông B nằm trong quy hoạch của địa phương về việc chuyên sản xuất lúa giống “Đài thơm 8” nên sản xuất theo đúng quy trình, quy hoạch, xuống giống theo thông báo của UBND xã TĐ và có ký kết với Công ty cổ phần giống và cây trồng CL hợp đồng thuê bao tiêu sản xuất lúa. Do sản xuất lúa giống nên quy trình canh tác rất nghiêm ngặt, không được sử dụng thuốc diệt cỏ (trừ loại thuốc diệt mầm) tùy tiện, nếu sử dụng sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của lúa và đồng thời Công ty sẽ yêu cầu bồi thường theo hợp đồng đã ký kết, nên ông B không dám sử dụng thuốc tùy tiện để canh tác lúa. Vào vụ Đông xuân năm 2017-2018, ông B xuống giống vào ngày 02/01/2018 đến ngày 14/02/2018 lúa được 43 ngày tuổi, trong giai đoạn này lúa cần thuốc trừ sâu để ngừa nhện gié và sâu đục thân. Do đó, ông B có thuê ông L ở xã Vĩnh An, huyện CT, tỉnh An Giang, trộn thuốc trừ sâu hiệu KINALUX với phân NPK nhau để rải vào diện tích đất đang canh tác. Trước đây, diện tích đất này có canh tác trồng cây Sen được 02 vụ sau đó chuyển sang trồng lúa, nên có bụi cây Sen còn sống xen lẫn với lúa vẫn phát triển

tươi tốt không ảnh hưởng gì. Do bảo vệ lúa, nên ông B phải nhổ đi các bụi cây Sen còn sót lại. Theo ông B cho biết thì nguyên nhân dẫn đến cây Sen của ông T bị chết là do sử dụng giống cây Sen Đài Loan nên sức đề kháng yếu dễ bị các loại bệnh về ngó, thân, lá. Ngoài ra ông T canh tác cây Sen liên tục 05 vụ nên cây Sen dễ bị bệnh vi khuẩn gây thối rễ, thối ngó dẫn đến chết bụi, hiện tượng này những người dân địa phương trồng cây Sen lâu năm đều biết rõ, vì vậy không trồng cây Sen quá 03 vụ liên tục cũng như cần am hiểu về kỹ thuật canh tác, giống, thổ nhưỡng, thời tiết... mới cho giá trị cao.

Nay ông Lại Như T yêu cầu ông B phải bồi thường thiệt hại số tiền 13.530.000 đồng thì ông Bền không đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T vì không có cơ sở cũng như nguyên nhân cây Sen chết là do ông B gây ra.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S trong quá trình tố tụng trình bày: Bà và ông T là vợ chồng hiện đang sống chung và thống nhất lời trình bày của ông T, yêu cầu buộc ông B phải bồi thường thiệt hại việc đầu tư phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với số tiền 13.530.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Như T yêu cầu ông Trần Văn B (do ông Ngô Văn M đại diện) bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền là 13.530.000 đồng.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/11/2019 Ông Lại Như T và bà Trần Thị S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện TT;

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Luật sư bảo vệ cho nguyên đơn phát biểu tranh luận: Việc thẩm định không có căn cứ khoa học, nên không có cơ sở xác định được thiệt hại; các biên bản xác minh không khách quan; không ghi nhận tính trung thực về các tài liệu chứng cứ xác minh; lời khai của người làm chứng ông Lộc có mâu thuẫn nhưng chưa làm rõ; nguyên đơn có đơn yêu cầu thu thập nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện; lúa không thể là 43 ngày được; vì chính ông T là người trực tiếp trực đất cho ông B để sạ lúa; có vi phạm về tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm;

Đại diện ủy quyền của bị đơn phát biểu ý kiến: về việc trồng cây Sen thì địa phương không có chủ trương; diện tích hai bên có bờ đê kiên cố và đất ngang bằng nhau nên không có việc nước thuốc chảy qua đất ông T; ông B ký hợp đồng làm lúa cho Công ty lúa CL, nên quy trình rất kỹ không thể tùy tiện sử dụng thuốc khi

chưa có ý kiến kỹ thuật của Công ty; ông B chỉ bón phân cho lúa khi 43 ngày tuổi, nên không thể sử dụng thuốc diệt cỏ được; còn cây Sen chết nguyên nhân do kháng thể yếu; cây Sen trồng trên 03 năm thì thường bị chết rụi; những người làm chứng cũng có lời khai là cây Sen chết khi trồng trên 03 năm;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S (S), thống nhất ý kiến Luật sư bảo vệ cho ông T;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, cùng các lời khai của người làm chứng, thấy rằng yêu cầu khởi kiện cũng như nội dung kháng cáo của nguyên đơn và người liên quan bà S là không có cơ sở xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo toàn bộ kháng cáo của ông T, bà S giữ y án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn ông Lại Như T và người liên quan bà Trần Thị S nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã có mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các khoản 3 Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự xét xử theo thủ tục chung.

[3] Nội dung tranh chấp: Ông Lại Như T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B bồi thường thiệt hại làm chết cây Sen với số tiền 13.530.000 đồng, vì ông T cho rằng ông B dùng thuốc diệt mầm bên đất ông B để diệt cây Sen còn sót lại, nhưng đã bơm nước tràn qua đất ông T làm chết cây Sen của ông B. Ông Trần Văn B thì không đồng ý, cho rằng cây Sen của ông T do canh tác nhiều mùa liên tục, nên cây Sen yếu, bị bệnh cây Sen tự chết, không đồng ý bồi thường. Cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, do không đồng ý quyết định của án sơ thẩm, nên ông T và bà S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của ông Lại Như T và bà Trần Thị S cùng chứng cứ, lời khai của các đương sự thì thấy, các đương sự khai thống nhất là có canh tác sát ranh nhau, trước đây cả ông T và ông B đều trồng cây Sen, đề thu hoạch nhưng sau đó thấy trồng cây Sen không có lời, nên vụ Đông Xuân 2017 - 2018 ông B chuyển sang trồng lúa; còn ông T vẫn tiếp tục canh tác cây Sen; ông B cũng thừa nhận có việc trộn thuốc vào phân để bón cho lúa; ngày 29/12/2017 Ban ấp cho xuống nơi cây Sen chết lập biên bản có sự việc cây Sen chết; ông Nguyễn Thành Lộc, ông Nguyễn Minh Phụng là người trực tiếp bón phân cho ông B khai có bón phân cho ông B, còn việc trộn thuốc gì vào phân hay không thì các ông không biết, do ông B trực tiếp trộn sẵn rồi;

[4.1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và biên bản ghi nhận sự việc của Ban áp về việc có việc cây Sen chết xảy ra ngay sau khi ông B tiến hành bón phân cho lúa của mình; biên bản thẩm định tại chỗ ngày 09/10/2018, thể hiện trên phần đất 10.000m² của ông T có một số cây Sen bị chết, còn một số vẫn ra lá và gương cây Sen (BL 72); phù hợp với biên bản hòa giải ở Ấp HT ngày 05/3/2018, ông B khẳng định có trộn thuốc vào phân, nhưng cho rằng không ảnh hưởng đến cây Sen; còn ông Võ Văn H có ý kiến theo kinh nghiệm trồng cây Sen của nhiều hộ trên địa bàn, rất có thể ảnh hưởng từ thuốc bảo vệ thực vật (BL 12, 13);

[4.2] Mặt khác, phía ông T có cung cấp hình ảnh thể hiện phần cây Sen khoản 5 công Sen bên đất của ông tiếp giáp với đất ông B trồng lúa sau khi bón phân thì chết rụi, khô lá còn khoản 5 công Sen còn lại không bị thiệt hại vẫn cho cây Sen tươi tốt, nên các người làm chứng cho rằng cây Sen sau khi thu hoạch 03 tháng thì sẽ rụi, chết là chưa chính xác; bởi vì, nếu vậy thì cây Sen của ông T sẽ đồng loạt chết hết; chứ tại sao phần tiếp giáp với đất ông B canh tác lúa thì chết; còn phần cây Sen nơi khác vẫn tươi tốt; hình ảnh ông T cung cấp phù hợp với biên bản thẩm định của Tòa án; nên thực tế có xảy ra; đây cũng chính là căn cứ để xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (có sự việc xảy ra và có hậu quả xảy ra sau đó, mối quan hệ nhân quả); Tại hòa giải ở ấp ông B cũng thừa nhận sự việc;

[4.3] Cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa chính xác và chưa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; đáng lý khi xảy ra sự việc và các bên có tranh chấp cần phải tiến hành xem xét có yêu cầu giám định của cơ quan chuyên môn để kết luận nguyên nhân cây Sen chết từ đâu? Nhưng cấp cơ thẩm không làm là có sai sót. Ở giai đoạn phúc thẩm không thể tiến hành được, vì thời gian quá lâu không còn đủ yếu tố để lấy mẫu giám định được; như nhận định phần trên; nếu hủy bản án về xét xử lại cũng không thể tiến hành lấy mẫu để giám định phân tích tìm ra nguyên nhân cây Sen chết là do đâu (Vì thời gian quá lâu), cần nêu lên cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm đối các tranh chấp tương tự;

[4.4] Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh thì trong trường hợp này nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh hoặc yêu cầu Tòa án thu thập chứng minh, nhưng nguyên đơn không chứng minh được tổng thiệt hại là 13.530.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc nguyên đơn cung cấp bảng kê thiệt hại được xem là hợp lý có cơ sở, cụ thể:

- Thuê bơm nước rửa độ	: 750.000đ
- Mua dầu chạy máy bơm	: 350.000đ
- Thuê người trực đất	: 450.000đ
- Mua con cây Sen trồng lại	: 2.000.000đ
- Thuê xịt thuốc tiên công	: 700.000đ
- Thuê người trồng lại Sen	: 500.000đ
- Thuê người xạ phân	: 700.000đ
- Mua 78 con cây Sen để dặm lại	: 156.000đ.

Tổng cộng là: 5.606.000đ.

Tại Ban áp hòa giải bị đơn ông B thừa nhận có việc áp xuống nơi trồng cây Sen để lập biên bản ghi nhận có cây Sen chết và đồng ý hỗ trợ cho nguyên đơn 1.000.000đ; nên có cơ sở buộc ông B có nghĩa vụ bồi hoàn thiệt hại cho ông T một phần thiệt hại là 5.606.000đ là phù hợp với lẽ công bằng và khách quan của vụ án; do đó đề nghị giữ y án của đại diện Viện kiểm sát là chưa đánh giá hết khách quan của vụ án;

[5] Do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà S, sửa án sơ thẩm, buộc ông B bồi hoàn thiệt hại cho ông T 5.606.000đ;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: ông T phải chịu 396.000đ án phí dân sự sơ thẩm; ông B phải chịu 300.000đ.

[7] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T, bà S được chấp nhận, nên không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lại Như T và bà Trần Thị S (S)

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT; Xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Như T;
2. Buộc ông Trần Văn B bồi hoàn thiệt hại cho ông Lại Như T số tiền 5.606.000đ (Năm triệu sáu trăm lẻ sáu ngàn đồng);

Án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn B phải chịu 300.000đ; ông Lại Như T phải chịu 396.000đ; ông T được trừ vào số tiền 338.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0001671 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT; như vậy ông T phải nộp thêm số tiền 58.000đ;

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lại Như T, bà Trần Thị S (S) không phải chịu, mỗi người được nhận lại số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012240 (của ông T) và số 0012241 (của bà S) cùng ngày 11/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ

quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “ Để thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn